

Bản án số: 51/2025/DS-PT

Ngày: 07- 02-2025

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Thanh Giang.

Các Thẩm phán:

- Ông Trần Thanh Tòng;
- Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: bà Võ Lê Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 650/TLPT-DS về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 119/2024/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 651/2024/QĐXXPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 và Thông báo thay đổi ngày xét xử số: 84/2024/TA-TB ngày 11 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Phạm Văn H, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)
- Bị đơn: bà Lưu Thị Đ, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)
- Người kháng cáo: bị đơn bà Lưu Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Nguyên đơn ông H trình bày: Vào 30-5-2023 ông có cho bà Đ vay số tiền 1.000.000.000 đồng, có lập hợp đồng vay do văn phòng công chứng Vương Văn T công chứng, nhận tiền là con của bà Đ tên T1 nhận, thời hạn vay là 6 tháng, lãi thỏa thuận miệng 2% tháng, từ ngày vay đến nay có trả được 40.000.000 đồng tiền lãi thì không trả lãi và cũng không trả vốn nhưng không nhớ trả lãi đến thời gian nào. Ông có đến nhà yêu cầu bà Đ trả tiền cho ông nhưng bà Đ chỉ đồng ý trả số tiền 400.000.000 đồng. Khi vay tiền bà Đ có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Nay yêu cầu bà Đ trả vốn 1.000.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi theo quy định của pháp luật từ ngày từ ngày 30-5-2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn bà Đ trình bày: Ngày 30-5-2023 bà có vay tiền của ông H số tiền 400.000.000 đồng, khi vay có lập hợp đồng do văn phòng C công chứng, đồng thời bà có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà đứng tên, lãi suất thoả thuận bao nhiêu bà không nhớ, thời gian vay bao lâu không nhớ, người nhận tiền vay là con trai bà tên T1 nhận dùm. Nhưng không biết lý do nào có hợp đồng công chứng do bà ký tên vay số tiền 1.000.000.000 đồng của ông H.

Nay bà đồng ý trả số tiền 400.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi. Do bà nhận tiền của ông H 400.000.000 đồng. Bà yêu cầu ông H trả lại cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 119/2024/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Chấp yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H đối với bà Lưu Thị Đ.

Buộc bà Lưu Thị Đ có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn H số tiền 1.192.400.000 đồng (một tỷ, một trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Buộc ông Phạm Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Lưu Thị Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 055924 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 05-4-2017 cho bà Lưu Thị Đ đứng tên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

*** Nội dung kháng cáo:**

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, bị đơn bà Lưu Thị Đ kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, chỉ chấp nhận trả tiền nợ gốc và tiền lãi của số tiền 400.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Bị đơn bà Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo: Không đồng ý trả gốc 1.000.000.000 đồng vì bà chỉ vay 400.000.000 đồng cho con trai tên T1 để làm ăn. Đồng ý trả 400.000.000 đồng và lãi của số tiền 400.000.000 đồng này.

Phía ông H không đồng ý kháng cáo của bà Đ và trình bày: bà Đ là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đang thế chấp ngân hàng nhưng có nhu cầu bán đất cho người ở tỉnh Bình Dương nên đã đến vay tiền của tôi để giải chấp ngân hàng, lấy giấy đất ra sang nhượng nên tôi mới cho vay tiền, sau khi lấy bằng khoán từ ngân hàng ra, chúng tôi có đến văn phòng công chứng để công chứng hợp đồng vay có bảo đảm liền sau đó về nhà tôi giao đủ tiền và bà Đ

có trả lãi được 40.000.000 đồng rồi không trả nữa cho đến nay, nên mới khởi kiện.

Trong phần tranh luận; các bên đương sự giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: bà Đ có ký tên hợp đồng vay số tiền 1.000.000.000 đồng, hợp đồng được công chứng tại văn phòng C có giá trị pháp lý. Cấp sơ thẩm buộc bà Đ trả số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật là phù hợp. Bà Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh. Đề nghị: căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại cấp phúc thẩm bị đơn bà Lưu Thị Đ đã hủy bỏ việc ủy quyền phù hợp Điều 138; Điều 139 của Bộ luật Dân sự. Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về quan hệ pháp luật giải quyết: Ông H khởi kiện yêu cầu bà Đ trả số tiền tiền vay mà các bên đã giao dịch. Bà Đ chỉ đồng ý một phần. Các bên đương sự có tranh chấp về số tiền trả, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp “Hợp đồng Vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ .

[3] Xét kháng cáo của bà Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện: Nguyên đơn ông H và bị đơn bà Đ trình bày thống nhất có việc vay tiền, có đến văn phòng công chứng Vương Văn T để công chứng hợp đồng vay, có thế chấp Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS07125 ngày 05-4-2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà Lưu Thị Đ thuộc thửa đất 275, 261 tờ bản đồ số 64 diện tích 5.357,2 m² tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh Tây Ninh thể hiện tại Điều 8 của hợp đồng (BL31, 32); chữ ký trong hợp đồng công chứng ngày 30-5-2023 là của bà Đ. Đây là chứng cứ khách quan có giá trị pháp lý theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Phần tranh chấp: Các bên tranh chấp về số tiền vay và số tiền phải trả, bà Đ không đồng ý trả 1.000.000.000 đồng tiền vay mà chỉ trả 400.000.000 đồng, thấy rằng:

Theo hợp đồng vay tiền có biện pháp bảo đảm ngày 30-5-2023 tại Điều 1: *“Bên A cho bên B vay số tiền 1.000.000.000 đồng, việc giao nhận tiền do 2 bên tự giao nhận ngoài sự chứng kiến của Công chứng viên hai bên tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật”*. Theo nội dung công chứng trên chưa thể hiện việc giao nhận tiền tại văn phòng C.

Về địa điểm và thời gian giao nhận tiền: Tại BL 18, 19, 20 của hồ sơ vụ án là biên bản lấy lời khai bà Đ, ông T1 (con trai bà Đ), ông H và biên bản đối chất, thể hiện việc giao nhận tiền tại nhà ông H ngay sau khi ký hợp đồng công chứng. Số tiền giao nhận thì ông H trình bày giao cho phía ông T1 con bà Đ đủ 1.000.000.000 đồng, phía bà Đ và ông T1 trình bày chỉ nhận 400.000.000 đồng, khi nhận không có mặt bà Đ. Như vậy, có căn cứ thể hiện phía bên bà Đ đã đến nhà ông H nhận tiền theo hợp đồng đã công chứng, bà Đ cho rằng chỉ nhận 400.000.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện và người nhận tiền là phía con trai của bà. Từ đó cho đến khi khởi kiện (là 11 tháng), bà Đ và ông T1 không có phản ứng về việc chưa nhận đủ tiền vay.

Tại cấp phúc thẩm bà Đ không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà.

Từ nhận định trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lưu Thị Đ.

[4] Đề xuất của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn pháp lý.

[5] Về án phí: bà Đ sinh năm 1964, tại phiên tòa bà Đ xác định trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà không có làm đơn yêu cầu miễn án phí, do đó, bà Đ phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lưu Thị Đ.

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 119/2024/DSST ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

II. Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/. Chấp yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H đối với bà Lưu Thị Đ về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Lưu Thị Đ có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn H số tiền gốc và lãi là 1.192.400.000 đồng (một tỷ, một trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2024 cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/. Buộc ông Phạm Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Lưu Thị Đ: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 055924 số vào sổ cấp GCN: CS07125 ngày 05-4-2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà Lưu Thị Đ thuộc thửa đất 275, 261 tờ bản đồ số 64 diện tích 5.357,2 m² tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh Tây Ninh.

3/. Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: bà Lưu Thị Đ phải chịu 47.772.000 (bốn mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi hai ngàn) đồng. Hoàn trả cho ông Phạm Văn H số tiền 21.000.000 (hai mươi một triệu) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0014005 ngày 22-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Án phí dân sự phúc thẩm: bà Lưu Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số 0014382 ngày 21-8-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: hồ sơ, lưu trữ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Giang